3 **Put the names of the countries under their flags.**

New Zealand	Singapore	Australia
the USA	Canada	the United Kingdom

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

EX 4. Nối từ vựng với nghĩa của từ:

1. International = Global = Worldwide = Universal	ngôn ngữ chính thức
2. Summer camp	người bản xứ
3. Have difficulty + Something/ V-ing	gặp khó khăn trong việc..
4. Accent	giọng
5. Official language	trại hè
6. Native speakers	quốc tế, toàn cầu.

LIVEWORKSHEETS